TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17/5/2019
V/v "Ly hôn giữa bà L và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: **Ông Cao Đình Thành**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Sơn

Ông Đỗ Văn Kha

Thư ký ghi biên bản phiên Tòa: Ông Hoàng Hữu Bình – Cán bộ Tòa án.

Trong ngày 17/5/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2019 về "*Tranh chấp về ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/QĐXX-ST ngày 23/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L – SN: 1980.
- Bị đơn: Ông Đoàn Quang T – SN: 1978.

Cùng trú tại: Ấp 02, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2019 quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau khoảng 02 năm, vào ngày 24/6/1997 bà và ông T tổ chức đám cưới về chung sống với nhau cho đến nay, trong quá trình chung sống thì không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, thỉnh thoảng vợ chồng cải nhau, tuy nhiên đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà L và ông T có 04 người con chung tên là Đoàn Thị M – SN: 1998, Đoàn Thị H – SN: 1999 và Đoàn Quang H – SN: 2002, Đoàn Thị Tr – SN: 2002.

Bà L yêu cầu tự thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với ông T, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất và đồng ý như lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, mẫu thuẫn hiện nay, việc ông và bà L chung sống với nhau không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng.

Nay bà L yêu cầu tòa án xét xử không công nhận vợ chồng giữa ông với bà L thì ông cũng đồng ý. Tuy nhiên ông vẫn mong muốn bà L rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà L có 04 người con chung tên là Đoàn Thị M – SN: 1998, Đoàn Thị H – SN: 1999 và Đoàn Quang H – SN: 2002, Đoàn Thị Tr – SN: 2002.

Ông đồng ý tự thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con với bà L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án *"Tranh chấp về ly hôn"* do bà Phạm Thị L khởi kiện, bị đơn ông Đoàn Quang T cư trú tại ấp 02, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, ngày 02 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn bà Phạm Thị L và bị đơn ông Đoàn Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc các bên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L, ông T theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy, bà L và ông T đều thừa nhận ông bà sống chung với nhau từ năm 1997, việc sống chung do hai bên tự nguyện, không đăng ký kết hôn tại chính quyền định phương theo quy định của pháp luật. HĐXX căn cứ khoản 01 Điều 14 và khoản 02 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc sống chung giữa bà L và ông T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên tuyên bố bà L và ông T không phải là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, 39, 227, 228, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L;

Tuyên xử:

1 *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị L và ông Đoàn Quang T không phải là vợ chồng.

2. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm***:** Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0000985 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án thành phố Đồng Xoài, Bà L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP. Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Bà Lan, ông Thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CAO ĐÌNH THÀNH